**Phụ lục 01*:* QUY MÔ MẪU, PHƯƠNG PHÁP CHỌN MẪU**

**1. Quy mô mẫu**

**1.1. Quy mô mẫu vụ Đông, vụ Xuân**

**(Áp dụng với các địa phương sản xuất vụ Đông, vụ Xuân riêng biệt)**

***- Số lượng cây hằng năm trọng điểm***

Cây hằng năm trọng điểm là những cây hằng năm có diện tích gieo trồng lớn hoặc giá trị lớn được gieo trồng và thu hoạch trong vụ sản xuất. Mỗi địa phương chọn từ 5 đến 7 loại cây hằng năm trọng điểm để điều tra mẫu, trong đó từ 2 đến 5 loại cây thuộc nhóm rau, hoa các loại.

Tổng cục Thống kê quy định 2 loại cây trọng điểm là ngô, sắn. Trong trường hợp địa phương không sản xuất hoặc sản xuất với diện tích không đáng kể, hoặc có sự thay đổi cơ cấu cây trồng mà những cây hằng năm trọng điểm đã được Tổng cục Thống kê chọn không còn phù hợp với thực tiễn sản xuất của địa phương, Cục Thống kê có thể thay đổi cây hằng năm trọng điểm.

***- Số lượng hộ mẫu điều tra cây hằng năm trọng điểm***

Tổng cục Thống kê quy định số lượng hộ mẫu điều tra theo quy mô diện tích gieo trồng của một số loại cây trồng như sau:

+ Số lượng mẫu điều tra tối thiểu 30 hộ mẫu/ 01 loại cây;

+ Số lượng mẫu điều tra tối đa: theo từng quy mô của từng loại cây như sau:

a) Cây ngô:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ngô** | | |
| Quy mô diện tích | Số thôn/phường mẫu | Số hộ mẫu |
| Dưới 150 ha | 0 | 0 |
| Từ 150 ha đến dưới 5000 ha | 5 | 50 |
| Từ 5000 ha đến dưới 15.000 ha | 10 | 100 |
| Từ 15.000 ha trở lên | 15 | 150 |

b) Cây sắn

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Sắn** | | |
| Quy mô diện tích | Số thôn/phường mẫu | Số hộ mẫu |
| Dưới 150 ha | 0 | 0 |
| Từ 150 ha đến dưới 5000 ha | 5 | 50 |
| Từ 5000 ha đến dưới 15.000 ha | 10 | 100 |
| Từ 15.000 ha trở lên | 15 | 150 |

c) Cây đậu tương

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đậu tương** | | |
| Quy mô diện tích | Số thôn/phường mẫu | Số hộ mẫu |
| Dưới 50 ha | 0 | 0 |
| Từ 50 ha đến dưới 500 ha | 5 | 50 |
| Từ 500 ha trở lên | 10 | 100 |

d) Cây lạc

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Lạc** | | |
| Quy mô diện tích | Số thôn/phường mẫu | Số hộ mẫu |
| Dưới 50 ha | 0 | 0 |
| Từ 50 ha đến dưới 1.000 ha | 5 | 100 |
| Từ 1.000 ha trở lên | 10 | 150 |

e) Cây rau/hoa trọng điểm: điều tra từ 30 đến 50 hộ mẫu/ 01 loại cây.

f) Những cây hằng năm trọng điểm khác (loại trừ những cây đã được nêu ở trên): điều tra từ 30 đến 50 hộ mẫu/1 loại cây.

Cục Thống kê căn cứ vào kết quả điều tra diện tích các loại cây trồng của vụ sản xuất tương ứng được khai thác từ cuộc điều tra diện tích cây trồng nông nghiệp để lựa chọn quy mô mẫu cho phù hợp.

***- Số lượng hộ mẫu điều tra nhóm cây hằng năm khác nói chung***

Mỗi địa phương điều tra mẫu từ 150 đến 200 hộ.

**1.2. Quy mô mẫu vụ Đông xuân, vụ Hè thu, vụ Mùa**

***- Số lượng cây hằng năm trọng điểm:***

Mỗi địa phương chọn từ 7 đến 10 loại cây hằng năm trọng điểm để điều tra mẫu, trong đó từ 2 đến 5 loại cây thuộc nhóm rau, hoa các loại.

Tổng cục Thống kê quy định 5 loại cây hằng năm trọng điểm là ngô, khoai lang, lạc, sắn, mía. Trong trường hợp địa phương không sản xuất hoặc sản xuất với diện tích không đáng kể, hoặc có sự thay đổi cơ cấu cây trồng mà những cây trọng điểm đã được Tổng cục Thống kê chọn không còn phù hợp với thực tiễn sản xuất của địa phương, Cục Thống kê có thể thay đổi cây trọng điểm.

***- Số lượng hộ mẫu điều tra cây hằng năm trọng điểm***

Tổng cục Thống kê quy định số lượng hộ mẫu điều tra theo quy mô diện tích gieo trồng của một số loại cây như sau:

+ Số lượng mẫu điều tra tối thiểu 30 hộ mẫu/ 01 loại cây;

+ Số lượng mẫu điều tra tối đa: theo từng quy mô của từng loại cây. Cụ thể:

a) Cây ngô:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ngô** | | |
| Quy mô diện tích | Số thôn/phường mẫu | Số hộ mẫu |
| Dưới 150 ha | 0 | 0 |
| Từ 150 ha đến dưới 5000 ha | 5 | 50 |
| Từ 5000 ha đến dưới 15.000 ha | 10 | 100 |
| Từ 15.000 trở lên | 15 | 150 |

b) Cây khoai lang

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Khoai lang** | | |
| Quy mô diện tích | Số thôn/phường mẫu | Số hộ mẫu |
| Dưới 150 ha | 0 | 0 |
| Từ 150 ha đến dưới 500 ha | 5 | 50 |
| Từ 500 ha đến dưới 3.000 ha | 10 | 100 |
| Từ 3.000 ha trở lên | 15 | 150 |

c) Cây sắn

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Sắn** | | |
| Quy mô diện tích | Số thôn/phường mẫu | Số hộ mẫu |
| Dưới 150 ha | 0 | 0 |
| Từ 150 ha đến dưới 5000 ha | 5 | 50 |
| Từ 5000 ha đến dưới 15.000 ha | 10 | 100 |
| Từ 15.000 ha trở lên | 15 | 150 |

d) Cây mía

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mía** | | |
| Quy mô diện tích | Số thôn/phường mẫu | Số hộ mẫu |
| Dưới 150 ha | 0 | 0 |
| Từ 150 ha đến dưới 5000 ha | 5 | 50 |
| Từ 5000 ha đến dưới 15.000 ha | 10 | 100 |
| Từ 15.000 ha trở lên | 15 | 150 |

e) Cây lạc

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Lạc** | | |
| Quy mô diện tích | Số thôn/phường mẫu | Số hộ mẫu |
| Dưới 150 ha | 0 | 0 |
| Từ 150 ha đến dưới 500 ha | 5 | 50 |
| Từ 500 ha đến dưới 3.000 ha | 10 | 100 |
| Từ 3.000 ha trở lên | 15 | 150 |

f) Cây rau/hoa trọng điểm: điều tra từ 30 đến 50 hộ mẫu/ 01 loại cây;

g) Những cây hằng năm trọng điểm khác (loại trừ những cây đã được nêu ở trên): điều tra từ 30 đến 50 hộ mẫu/ 1 loại cây.

Cục Thống kê căn cứ vào diện tích các loại cây trồng của vụ sản xuất tương ứng được khai thác từ cuộc điều tra diện tích cây trồng nông nghiệp để lựa chọn quy mô mẫu cho phù hợp.

***- Số lượng hộ mẫu điều tra nhóm cây hằng năm khác nói chung***

Mỗi địa phương điều tra mẫu từ 150 đến 200 hộ.

**2. Phương pháp chọn mẫu**

**Quy định chung:**

- Cục Thống kê trực tiếp chọn mẫu.

- Việc chọn mẫu điều tra cây hằng năm trọng điểm và cây hằng năm khác được thực hiện cả ở địa bàn nông thôn (thôn/ấp/bản – sau đây gọi chung là cấp thôn) và địa bàn thành thị (phường/thị trấn có gieo trồng cây hằng năm khác trong vụ sản xuất trên 5 ha – sau đây gọi chung là cấp phường).

- Đơn vị mẫu cấp I: Chọn thôn, phường mẫu.

- Đơn vị mẫu cấp II: Chọn hộ mẫu.

Chi tiết các bước chọn mẫu điều tra cây hằng năm trọng điểm và cây hằng năm khác như sau:

**2.1. Chọn mẫu điều tra cây hằng năm trọng điểm**

***- Bước 1: Chọn mẫu cấp I***

*a) Lập danh sách thôn, phường:*

Việc chọn mẫu cấp I sẽ căn cứ vào kết quả điều tra diện tích các cây trồng nông nghiệp của từng vụ sản xuất. Cục Thống kê lập danh sách toàn bộ các thôn, phường *theo từng loại cây trọng điểm* (gọi là nhóm Tj). Sắp xếp các thôn, phường theo thứ tự diện tích cây trọng điểm j (j = ) từ *cao xuống thấp.* Sau đó lựa chọn nhóm thôn, phường có diện tích cộng dồn cây j đạt giá trị bằng hoặc lớn hơn gần nhất với 60% tổng diện tích cây j của nhóm Tj (gọi là nhóm tj) và chỉ lựa chọn mẫu cấp I trong nhóm tj này.

Tiếp theo, sắp xếp các thôn, phường có diện tích trồng cây trọng điểm j chiếm 60% diện tích j (j= ) của toàn tỉnh theo thứ tự danh mục hành chính (huyện/xã, phường) và theo thứ tự thôn (trường hợp là địa bàn nông thôn). Căn cứ vào diện tích trồng cây loại j của các thôn, phường để tính diện tích cộng dồn như sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên huyện | Tên xã/phường | Tên thôn, phường | Diện tích cây trọng điểm j của thôn, phường (ha) | Diện tích cây trọng điểm j cộng dồn của thôn, phường (ha) |
| A | B | C | D | 1 | 2 |
| 1 | H1 | X1 | V1 | D1 | D1 |
| 2 | H1 | X2 | V2 | D2 | D1+D2 |
| 3 | …. | …. | V3 | D3 | D1+D2+D3 |
| … | ….. | …. | … | … | … |
| i | …. | …. | V(i) | D(i) | D1+D2+D3+D4+ D(i) |
| i+1 | ….. | …. | V(i+1) | D(i+1) | D1+D2+D3+D4+D(i+1) |
| ... | …. | …. | … | … | … |
| n | Hn | Xn | Vn | Dn | D1+D2+D3+D4+D5+...+Dn |

Trong đó, tổng diện tích cộng dồn cây j của các thôn trên đảm bảo bằng (hoặc ≈) 60% diện tích trồng cây j của toàn tỉnh.

*b) Chọn mẫu cấp I: Áp dụng phương pháp PPS (Xác suất tỷ lệ thuận theo quy mô), những thôn, phường có diện tích gieo trồng lớn, sẽ có xác suất được chọn lớn hơn.*

Chọn mẫu cấp I riêng cho từng loại cây hằng năm trọng điểm. Số lượng đơn vị mẫu cấp I của mỗi loại cây được quy định trong bảng quy định quy mô mẫu. Trường hợp những loại cây chưa quy định số lượng thôn/phường mẫu, thực hiện chọn số thôn/phường mẫu bằng 5% thôn, phường của nhóm tj sau khi đã làm tròn về số nguyên (gọi là nhóm Nj) nhưng không ít hơn 5.

Trường hợp tổng số thôn, phường của nhóm tj nhỏ hơn hoặc bằng 5 thì chọn toàn bộ số thôn, phường của nhóm tj để điều tra.

Ví dụ:

+ Nếu số thôn, phường trong bảng trên là 166, số đơn vị mẫu cấp I của cây j là Nj = 8 (5% x 166 = 8,3🡪 làm tròn là 8).

+ Nếu số thôn, phường trong bảng trên là 172, số đơn vị mẫu cấp I của cây j là Nj = 9 (5% x 172 = 8,6 🡪 làm tròn là 9).

Tính khoảng cách (kj) chọn đơn vị mẫu cấp I theo công thức:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| kj | = | Dj |
| Nj |

Trong đó:

+ kj: Khoảng cách chọn đơn vị mẫu cấp I cây trọng điểm j;

+ Dj: là diện tích cộng dồn của nhóm tj;

+ Nj: Tổng số đơn vị mẫu cấp I điều tra cây trọng điểm j.

Chọn số ngẫu nhiên a nằm trong khoảng từ 1 đến kj (a< kj). Đơn vị mẫu cấp I đầu tiên được chọn là thôn/phường/thị trấn có diện tích cộng dồn đạt giá trị bằng hoặc lớn hơn gần nhất với giá trị a. Các đơn vị mẫu cấp I được chọn tiếp theo là thôn, phường có diện tích cộng dồn bằng hoặc lớn hơn gần nhất với các giá trị a+ kj, a+2kj, a+3kj … chọn cho đến khi đủ số mẫu cấp I.

***- Bước 2: Chọn mẫu cấp II***

*a) Lập danh sách hộ:*

+ Đối với đơn vị mẫu cấp I được chọn là thôn/ấp/bản: lập danh sách các hộ có gieo trồng cây hằng năm trọng điểm từ 100 m2 trở lên trong phạm vi địa lý của thôn;

+ Đối với đơn vị mẫu cấp I được chọn là phường/ thị trấn: lập danh sách các hộ có gieo trồng cây hằng năm trọng điểm từ 100m2 trở lên trong phạm vi địa lý của 01 đến 02 tổ dân phố/tiểu khu có diện tích gieo trồng lớn nhất.

Chi cục Thống kê có đơn vị mẫu cấp I phối hợp với Thống kê xã/phường và trưởng thôn/tổ trưởng tổ dân phố/tiểu khu mẫu lập danh sách hộ theo mẫu bảng kê số 01/BK-HNTĐ-HO, theo từng loại cây trọng điểm và gửi danh sách này về Cục Thống kê để chọn mẫu. Mỗi hộ mẫu chỉ được chọn một lần ở dàn mẫu điều tra một loại cây trọng điểm. Việc lập danh sách các hộ thực tế có trồng cây hằng năm trọng điểm thực hiện theo thứ tự địa lý tự nhiên (từ đầu đến cuối thôn/tổ dân phố/tiểu khu hoặc theo hướng từ Bắc – Nam hoặc Đông - Tây) và đánh thứ tự từ 1 đến hết.

+ Cục Thống kê tổng hợp danh sách hộ chung toàn tỉnh theo từng loại cây trọng điểm theo thứ tự danh mục hành chính của các huyện, xã, phường/thị trấn có địa bàn mẫu (gọi là nhóm hộ HOj) và tiến hành chọn hộ mẫu.

*b) Chọn mẫu cấp II (hộ mẫu): Áp dụng phương pháp ngẫu nhiên hệ thống*

Tính khoảng cách (kj) để chọn hộ mẫu như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| kj | = | HOj |
| nj |

Trong đó:

+ kj: Khoảng cách chọn hộ mẫu cây trọng điểm j;

+ HOj: Tổng số hộ trong nhóm hộ HOj;

+ nj: Tổng số hộ mẫu điều tra cây trọng điểm j của tỉnh.

Lưu ý:

+ kj có thể là số thập phân và được làm tròn đến 1 chữ số sau dấu phẩy.

+ Tổng số hộ mẫu điều tra cây trọng điểm nj được xác định theo từng loại cây và từng mùa vụ đã được quy định trong mục 1. Quy mô mẫu của phụ lục này.

Chọn số ngẫu nhiên b nằm trong khoảng từ 1 đến kj (b<= kj). Hộ đầu tiên được chọn là hộ có số thứ tự b trong nhóm hộ HOj đã được chọn ở trên. Hộ tiếp theo có số thứ tự b+ kj; b+2kj;…; b+(nj-1)kj. Thứ tự của các hộ được chọn là các giá trị vừa được tính toán sau khi đã làm tròn.

Ví dụ: Tỉnh X có diện tích thu hoạch cây trọng điểm j là 1000 ha, số hộ mẫu theo quy định là 100 hộ (nj=100), tổng số hộ trồng cây trọng điểm j được lập từ các thôn mẫu của tỉnh là 220 hộ (HOj=220), các hộ mẫu sẽ được chọn như sau:

Xác định khoảng cách chọn hộ:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | = | 220 | = | 2,2 |
| 100 |

Giả sử hộ đầu tiên được chọn là hộ số 2 trong danh sách hộ;

Các giá trị để chọn hộ tiếp theo là:

Hộ thứ 2: 2+2,2 = 4,2 ≈ 4;

Hộ thứ 3: 2+2,2x2 = 6,4 ≈ 6;

Hộ thứ 4: 2+2,2x3 = 8,6 ≈ 9;

…

Các hộ được chọn tiếp theo là các hộ có số thứ tự 4; 6; 9,… trong danh sách hộ.

**Lưu ý:** Trường hợp số hộ mẫu trong danh sách HOj nhỏ hơn hoặc bằng số hộ mẫu tối đa đã được quy định trong mục 1. Quy mô mẫu của phụ lục này thì chọn toàn bộ số hộ trong danh sách HOj để điều tra.

Dàn mẫu điều tra cây hằng năm trọng điểm được chọn cho từng vụ của từng năm riêng biệt dựa trên tình hình sản xuất thực tế tại địa phương. Tuy nhiên, nếu tình hình sản xuất các loại cây trồng trọng điểm không thay đổi nhiều qua các năm thì có thể ổn định các đơn vị đại diện để tiến hành điều tra cho năm tiếp theo.

Trong trường hợp hộ mẫu không thể thu thập thông tin vì các lý do khác nhau thì cần thay đổi hộ đó theo nguyên tắc lấy hộ liền kề phía trên hoặc dưới hộ đã được chọn. Chi cục Thống kê có đơn vị mẫu cấp I liên hệ với Cục Thống kê để cập nhật bổ sung thay thế hộ mẫu.

**2.2. Chọn mẫu điều tra cây hằng năm khác**

***- Bước 1: Chọn mẫu cấp I***

*a) Lập danh sách thôn, phường:*

Sau khi loại trừ những địa bàn mẫu (thôn, phường mẫu) đã điều tra cây hằng năm trọng điểm, căn cứ vào kết quả điều tra diện tích của từng vụ sản xuất, Cục Thống kê lập danh sách toàn bộ các thôn, phường có gieo trồng cây hằng năm khác (gọi là nhóm Tk). Sắp xếp các thôn, phường theo thứ tự diện tích từ *cao xuống thấp.* Sau đó lựa chọn nhóm thôn, phường có diện tích cộng dồn đạt giá trị bằng hoặc lớn hơn gần nhất với 60% tổng diện tích nhóm Tk (gọi là nhóm tk) và chỉ lựa chọn đơn vị mẫu cấp I để điều tra nhóm cây hằng năm khác còn lại trong nhóm tk này.

Tiếp theo, sắp xếp các thôn, phường có diện tích trồng cây hằng năm khác chiếm 60% diện tích ở trên của toàn tỉnh theo thứ tự danh mục hành chính (huyện/xã,phường) và theo thứ tự thôn (trường hợp địa bàn thuộc khu vực nông thôn). (Thực hiện tương tự như cây trọng điểm).

*b) Chọn mẫu cấp I:*

Số lượng đơn vị mẫu cấp I được chọn để điều tra nhóm cây hằng năm khác còn lại bằng *5% số thôn, phường* của nhóm tk sau khi đã làm tròn về số nguyên (gọi là nhóm Nk) *nhưng không ít hơn 10.*

Trường hợp tổng số thôn, phường của nhóm tk nhỏ hơn hoặc bằng 10 thì chọn toàn bộ số thôn, phường của nhóm tk để điều tra.

Tính khoảng cách (xk) chọn đơn vị mẫu cấp I theo công thức:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| xk | = | Dk |
| Nk |

Trong đó:

+ xk: Khoảng cách chọn đơn vị mẫu cấp I cây hằng năm khác;

+ Dk: là diện tích cộng dồn của nhóm tk;

+ Nk: Tổng số đơn vị mẫu cấp I cây hằng năm khác của tỉnh.

Chọn số ngẫu nhiên c nằm trong khoảng từ 1 đến xk (c< xk). Đơn vị mẫu cấp I đầu tiên được chọn là thôn/phường/thị trấn có diện tích cộng dồn đạt giá trị bằng hoặc lớn hơn gần nhất với giá trị c. Các đơn vị mẫu cấp I được chọn tiếp theo là thôn, phường có diện tích cộng dồn bằng hoặc lớn hơn gần nhất với các giá trị c+ xk, c+2xk, c+3xk … chọn cho đến khi đủ số đơn vị mẫu cấp I.

*Kiểm tra tính đại diện:* Các đơn vị mẫu cấp I được chọn phải đảm bảo trồng đa dạng các loại cây hằng năm khác. Nếu đơn vị mẫu cấp I được chọn không đảm bảo tính đại diện thì tiến hành chọn lại bằng cách thay đổi đơn vị mẫu cấp I đầu tiên.

***- Bước 2: Chọn mẫu cấp II***

*a) Lập danh sách hộ:*

+ Đối với đơn vị mẫu cấp I được chọn là thôn/ấp/bản: lập danh sách các hộ có gieo trồng cây hằng năm khác từ 100 m2 trở lên trong phạm vi địa lý của thôn.

+ Đối với đơn vị mẫu cấp I được chọn là phường/thị trấn: lập danh sách các hộ có gieo trồng cây hằng năm khác từ 100 m2 trở lên trong phạm vi địa lý của 01 đến 02 tổ dân phố/tiểu khu có diện tích gieo trồng lớn nhất.

Chi cục Thống kê có đơn vị mẫu cấp I phối hợp với Thống kê xã/phường và trưởng thôn/tổ trưởng tổ dân phố/tiểu khu lập danh sách hộ theo mẫu bảng kê số 02/BK-HNK-HO, hộ có gieo trồng cây hằng năm khác và gửi danh sách này về Cục Thống kê để chọn mẫu. Việc lập danh sách các hộ thực tế có trồng cây hằng năm khác của đơn vị mẫu cấp I thực hiện theo thứ tự địa lý tự nhiên (từ đầu đến cuối thôn/tổ dân phố/tiểu khu hoặc theo hướng từ Bắc – Nam hoặc Đông - Tây) và đánh thứ tự từ 1 đến hết. Đối với những địa bàn rộng hoặc đi lại khó khăn thì có thể chia địa bàn ra thành 2 hoặc 3 cụm và tiến hành lập danh sách trong phạm vi một cụm để chọn đủ số hộ đại diện cho cả địa bàn.

+ Cục Thống kê tổng hợp danh sách các hộ chung toàn tỉnh theo thứ tự Danh mục các đơn vị hành chính của các huyện, xã, phường/thị trấn có địa bàn mẫu (gọi là nhóm hộ HOk) và tiến hành chọn hộ mẫu.

*b) Chọn mẫu cấp II (hộ mẫu):*

Tính khoảng cách để chọn hộ mẫu (yk) như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| yk | = | HOk |
| nk |

Trong đó:

+ yk: Khoảng cách chọn hộ mẫu cây hằng năm khác;

+ HOk: Tổng số hộ trong nhóm hộ HOk;

+ nk: Tổng số hộ mẫu điều tra cây hằng năm khác của tỉnh.

Lưu ý:

+ yk có thể là số thập phân và được làm tròn đến 1 chữ số sau dấu phẩy;

+ Tổng số hộ mẫu điều tra cây hằng năm khác nk được xác định theo từng mùa vụ đã được quy định trong mục 1. Quy mô mẫu của phụ lục này.

Chọn số ngẫu nhiên d nằm trong khoảng từ 1 đến yk (d<= yk). Hộ đầu tiên được chọn là hộ có số thứ tự d trong nhóm hộ HOk của các thôn mẫu toàn tỉnh. Hộ tiếp theo có số thứ tự d+yk; d+2yk;…; d+(nk-1)yk. Thứ tự của các hộ được chọn là các giá trị vừa được tính toán sau khi đã làm tròn.

Trường hợp số hộ mẫu trong danh sách HOk nhỏ hơn hoặc bằng 200 hộ/vụ thì chọn toàn bộ số hộ trong danh sách HOk để điều tra.

Dàn mẫu điều tra cây hằng năm khác được chọn cho từng vụ của từng năm riêng biệt dựa trên tình hình sản xuất thực tế tại địa phương. Trong trường hợp hộ mẫu không thể thu thập thông tin vì các lý do khác nhau thì cần thay đổi hộ đó theo nguyên tắc lấy hộ liền kề phía trên hoặc dưới hộ đã được chọn. Chi cục Thống kê có đơn vị mẫu cấp I liên hệ với Cục Thống kê để cập nhật bổ sung thay thế hộ mẫu./.